TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP **CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 152 /BKS-DVKT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông dự thảo "***Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam***" gồm bảy (07) Chương, hai mươi hai (22) Điều (*xem toàn văn đính kèm*). Dự thảo Quy chế được Ban Kiểm soát soạn thảo theo Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC với các nội dung sửa đổi (*xem chi tiết đính kèm*), phù hợp với dự thảo Điều lệ và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết nghị ban hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BKS (01 copy).

Đính kèm:
- Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS;
- Tổng hợp các nội dung sửa đổi.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phạm Hùng Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP **CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QC-BKS – DVKT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..../NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày ... tháng ... năm 2021;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ/viết tắt

Công ty/ PV Power Services:	: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết
HĐQT	: Hội đồng quản trị Công ty
BKS	: Ban Kiểm soát Công ty
Kiểm Soát viên	: Thành viên Ban Kiểm soát
GĐ	: Giám đốc Công ty
Điều lệ	: Điều lệ Công ty PV Power Services
Đơn vị trực thuộc	: Các đơn vị phụ thuộc Công ty (Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng đại diện,...)

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệu kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
   b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
   c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
   d) Không phải là người quản lý Công ty không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác);
   đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
   g) Tiêu chuẩn và các điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và Công ty (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp).

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị

kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
   a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
   b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên

quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
   d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một các trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác;
   e) Lợi ích liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra các khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông/nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bằng văn bản.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Gám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ toạ. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
   a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
   b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
   c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
   a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
   b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Các Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp

hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối liên hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam bao gồm VII Chương và 22 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2021./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Hùng Anh

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
A	**TỔNG QUÁT**			
1	Kết cấu	Gồm 3 phần, 14 điều	Gồm 7 chương, 22 điều	Theo Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
B	**NỘI DUNG CHI TIẾT**			
		Phần 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**	
	Điều 1	**Mục đích** Quy chế này cụ thể hóa các quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty và theo các quy định hiện hành của Pháp luật.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp	Gộp lại theo Quy chế mẫu
	Điều 2	**Phạm vi áp dụng**		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; Quy chế này áp dụng đối với Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành các bộ phận, đơn vị trực thuộc và các cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Pháp luật.	dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.	
		Điều 5. Nguyên tắc hoạt động 5.1. BKS hoạt động theo nguyên tắc chủ động và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tuân thủ các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định tại Quy chế này. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. 5.2. BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Việc kiểm	**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát** Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		tra, giám sát của BKS quy định tại Quy chế này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.		
		Phần II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ	**Chương II. THÀNH VIÊN BKS (KIỂM SOÁT VIÊN)**	
		Điều 8. Trách nhiệm của các Kiểm soát viên. 8.1. Mỗi Kiểm soát viên có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm của BKS theo sự phân công của Trưởng Ban KS. 8.2. Tham mưu cho Trưởng Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát về lĩnh vực được phân công. 8.3. Định kỳ, hoặc kết thúc đợt kiểm tra/giám sát, từng Kiểm soát viên phải lập báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát. 8.4. Phối hợp, hỗ trợ các Kiểm soát viên khác trong khi thực hiện kế hoạch kiểm	**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát** 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty. 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		tra/giám sát định kỳ, báo cáo kết quả giám sát định kỳ. 8.5. Thực thi quyền của Trưởng Ban Kiểm soát khi được ủy quyền.	của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 5. Trường hợp vi phạm các quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty. **6.** Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.	
		Điều 4. Tổ chức và hoạt động của Ban	**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành**	Tách thành 2 Điều

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Kiểm soát 4.1. Ban Kiểm soát Công ty có từ 3 đến 5 kiểm soát viên do ĐHĐCĐ của Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, số lượng, tiêu chuẩn của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 4.2. Các Kiểm Soát viên sau khi được ĐHĐCĐ bầu sẽ họp và bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS làm việc theo chế độ chuyên trách tại Công ty. 4.3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;	**viên Ban Kiểm soát** 1. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. 3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. 4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệu kỳ	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. 4.4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS và/hoặc Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS, Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS/Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. 4.5. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ	mới được bầu và nhận nhiệm vụ. **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát** 1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý Công ty không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật. BKS được sử dụng các nguồn lực của Công ty, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài với chi phí hợp lý để thực hiện nhiệm vụ của mình.	định khác); đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; g) Tiêu chuẩn và các điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. 2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và Công ty (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp).	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Điều 7. Trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát 7.1. Chủ trì tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Lập kế hoạch hoạt động và chủ trì triển khai thực hiện kế hoạch của Ban Kiểm soát theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. 7.2. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ. 7.3. Yêu cầu HĐQT, Giám đốc Công ty và người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến mọi hoạt động SXKD của Công ty để Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra giám sát và bảo đảm rằng các Kiểm soát viên nhận được các tài liệu, thông tin một cách đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát xem xét. 7.4. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm	**Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát** 1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. 2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; Thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát. 7.5. Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị/yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và/hoặc khi xét thấy có những biểu hiện có thể gây thiện hại về vốn và tài sản của Công ty và lợi ích của các cổ đông. 7.6. Thay mặt Ban Kiểm soát ký văn bản triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. 7.7. Thay mặt Ban Kiểm soát trao đổi ý kiến với HĐQT về các nội dung trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi chính thức báo cáo ĐHĐCĐ. 7.8. Cùng với các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến ĐHĐCĐ.		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		7.9. Ủy quyền cho Kiểm soát viên khác đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt theo quy định.		
		Không có	**Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
		Không có	**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát** 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.	
		Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm toán viên 10.1. ĐHĐCĐ có quyền miễn nhiệm Kiểm soát viên khi xét thấy: a. Kiểm soát viên không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; b. Kiểm soát viên không thực hiện	**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát** 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận; d. Các trường hợp khác quy định của pháp luật. 10.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ. Người được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho các thành viên đương nhiệm trong vòng 15 ngày	c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.		
		Không có	**Điều 11. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát** 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đế các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bó và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một các trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác; e) Lợi ích liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty; g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có). Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	
			Chương III. BAN KIỂM SOÁT	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Điều 6. Nhiệm vụ của BKS 6.1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS phù hợp với các quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS chỉ được ban hành sau khi được đa số (trên 50% số Kiểm soát viên biểu quyết) thông qua và được Trưởng BKS ký ban hành. 6.2. Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. 6.3. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT thông qua việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc. 6.4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế	**Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát** 1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành Công ty. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồn, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội	Gôp làm 1 Điều Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 6.5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ. 6.6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. 6.7. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật Doanh nghiệp. 6.8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày,	đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra các khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. 6.9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. 6.10. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6.11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong một số trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.	ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông/nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. 7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát cà điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. 8. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		6.12. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 6.13. Trình Báo cáo của Ban Kiểm soát trong đó đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Bán Kiểm soát vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên. Trong báo cáo phải đánh giá một cách cẩn trọng, trung thực, khách quan tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá về nội dung kiểm tra giám sát và những kiến nghị giải pháp thực hiện nhằm khắc phục những yếu kém, tồn tại đã nêu ra. 6.14. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 6.15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. 10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao. 11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông. 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp. 14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Điều 9. Quyền của Ban Kiểm soát. 9.1. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các tài liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo của Giám đốc trình ĐQT hoặc tài liệu do Công ty phát hành được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT. 9.2. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát do Ban Kiểm soát chủ trì. 9.3. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát. Được quyền yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu	đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. 15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bằng văn bản. 16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. 18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		của Ban Kiểm soát và có trách nhiệm bảo mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp. Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát thảo luận với HĐQT trước khi thực hiện. 9.4. Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của HĐQT, Ban Kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với các cổ đông, thành viên HĐQT. 9.5. Yêu cầu ĐHĐCĐ, HĐQT họp bất	19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Gám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động. 20. Đảm bảo phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông. 21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. 9.6. Tham dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị khách hàng và/hoặc các kỳ họp liên quan đến đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị trực thuộc. 9.7. Tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban Kiểm soát. 9.8. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập với chi phí hợp lý và bộ phận Kiểm toán, kiểm soát nội bộ của Công ty (nếu có) để thực hiện các nhiệm vụ được giao, tham khảo ý kiến HĐQT về hoạt động của Ban Kiểm soát cũng như nội dung báo cáo, kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ. 9.9. Có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát nội bộ do Công ty tổ chức thực hiện tại Văn phòng Công ty và	trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thanh viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ toạ. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp. 25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		các đơn vị trực thuộc.		
		Không có	**Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông** 1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện . **2.** Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. **3.** Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.	
			Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOAT	
		Điều 11. Chế độ làm việc và các cuộc họp của Ban Kiểm soát 11.1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể nhưng ý kiến của từng thành viên (KSV) là độc lập. 11.2. Ban Kiểm soát họp định kỳ hay bất thường do Trưởng ban Kiểm soát triệu tập	**Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát** 1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. 2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		và chủ trì. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban Kiểm soát phải ủy quyền cho một Kiểm soát viên khác thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban Kiểm soát. Cuộc họp hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số lượng Kiểm soát viên có mặt. 11.3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát - Họp định kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý/lần. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Biên bản cuộc họp chỉ có hiệu lực thi hành khi có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự. - Họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của: + Trưởng ban Kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát; + Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT có văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường; + Giám đốc Công ty có văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường.	thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp nhận tham dự và trả lời các vấn đề được làm rõ. **Điều 16. Biên bản họp Ban Kiểm soát** Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên và Biên bản cuộc họp. Các Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau hai (02) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, HĐQT và các Kiểm soát viên phải tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một Kiểm soát viên tạm đảm nhiệm vị trí Trưởng ban Kiểm soát để xử lý công việc tiếp theo. Trình tự, thủ tục bãi nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan của Quy chế này. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Biểu quyết: - Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp sẽ có một quyền biểu quyết tại cuộc họp.		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp có thể ủy quyền biểu quyết bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác có quyền tham dự và quyền biểu quyết tại cuộc họp để thực hiện biểu quyết. - Kiểm soát viên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và/hoặc Điều lệ Công ty) với vấn đề/vụ việc được đưa ra biểu quyết sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề/vụ việc đó, đồng thời không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó. - Biểu quyết theo đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng ban Kiểm soát ủy		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng ban Kiểm soát vắng mặt), ngoại trừ trường hợp Trưởng ban Kiểm soát/người được ủy quyền của Trưởng ban Kiểm soát chủ trì cuộc họp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều này. Trong trường hợp đó, cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được tổ chức lại với đầy đủ thành viên và điều kiện để giải quyết dứt điểm vấn đề/vụ việc nhưng không vượt quá mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp lần thứ nhất. - Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. 11.4. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết quy định tại Khoản 11.3 Điều này. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bào lưu ý kiến trong báo cáo của Ban Kiểm soát.		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**	
		Không có	**Điều 17. Trình báo cáo hàng năm** Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây: 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát. 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			hình hoạt động và tài chính của Công ty. 5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông. 8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.	
		Đã quy định tại Điều 4	**Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác** Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	
		Không có	**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan** 1. Thành viên Ban Kiểm soát phải kê	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ. 2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 3. Thành viên Ban Kiểm soát và những	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 5. Thành viên Ban Kiểm soát và những	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
			người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
			Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BKS**	
		Điều 12. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát 12.1. Quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước Ban Kiểm soát chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động kiểm soát theo quy định của pháp luật. Các thông tin, báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi các cơ quan quản lý Nhà nước phải được	**Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát** Các thành viên Ban Kiểm soát có mối liên hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		ĐHĐCĐ thông qua. 12.2. Quan hệ với đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty BKS được quyền trao đổi thảo luận làm rõ với đơn vị kiểm toán/kiểm toán viên về các vấn đề liên quan đến của cuộc kiểm toán. 12.3. Quan hệ với cổ đông ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên. Là cơ quan xem xét và xử lý các vi phạm của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên nếu gây ra thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty. Ban Kiểm soát thay thế mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát mọi hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về kết quả mọi hoạt động của mình. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập theo nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Luật	**Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành** Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành. **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị** Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.	

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Doanh nghiệp, các Luật liên quan, Điều lệ Công ty và các quy định tại Quy chế này. Hàng năm, Ban Kiểm soát phải lập kế hoạch hoạt động theo năm báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua làm cơ sở thực hiện và là căn cứ lập báo cáo kết quả hoạt động với ĐHĐCĐ vào năm tiếp theo tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên. Trước khi trình, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát phải tham khảo ý kiến của HĐQT trừ khi có quy định khác của pháp luật hiện hành và/hoặc Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có những nội dung mà ý kiến của HĐQT và Ban Kiểm soát khác nhau, thì Ban Kiểm soát phải thể hiện sự khác biệt đó trong báo cáo của mình một cách đầy đủ, chính xác để ĐHĐCĐ xem xét quyết định. ĐHĐCĐ, cổ đông hoạt nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và/hoặc Điều lệ Công ty có thể yêu cầu Ban Kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm soát với những nội dung bất thường (chưa được thông qua trong kế hoạch hoạt động		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		của năm báo cáo). Các hoạt động này phải được thể hiện bằng văn bản gửi tới Ban Kiểm soát trước khi tiến hành hoạt động kiểm soát ít nhất bảy (07) ngày làm việc. Kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát phải tiến hành các bước triển khai hoạt động kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và báo cáo kết quả kiểm soát tới ĐHĐCĐ theo quy định. 12.4. Quan hệ với HĐQT HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. HĐQT bảo đảm rằng Ban Kiểm soát được tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT (nêu có). Trước các phiên họp, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mới họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên HĐQT. Thư ký HĐQT phải		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT. Ngay sau khi kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua, Ban Kiểm soát sẽ tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo tháng/quý/năm và thông báo tới HĐQT trước khi thực hiện để HĐQT biết và phối hợp trong quá trình kiểm soát. Việc thông báo tới HĐQT phải được thực hiện trước ít nhất ba (03) ngày làm việc trừ những nội dung kiểm soát mang tính cấp bách có thể gây thiệt hại ngay cho quyền lợi của cổ đông hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ. Trên cơ sở đó HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát nếu cần thiết, kiểm soát và chỉ đạo các đối tượng được kiểm soát phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. HĐQT có thể yêu cầu Ban Kiểm soát		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		thực hiện các cuộc kiểm soát đột xuất với những nội dung mà HĐQT thấy cần thiết trong quá trình thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT, yêu cầu đó phải được gửi tới Ban Kiểm soát bằng văn bản trong đó thể hiện rõ nội dung, đối tượng kiểm soát, thời gian hoàn thành và gửi kết quả kiểm soát tới HĐQT. Trong quá trình kiểm soát, HĐQT có thể tham gia cùng Ban Kiểm soát để nắm tình hình và có chỉ đạo kịp thời. Khi tham gia với đoàn kiểm soát, các thành viên HĐQT có thể có ý kiến để giúp đoàn kiểm soát có được kết quả chính xác, phản ánh đúng bản chất sự việc, tạo điều kiện để Kiểm soát viên đưa ra những đánh giá, nhận định cuối cùng sát với thực tiễn. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể tham gia với các đoàn công tác, kiểm tra, giám sát do HĐQT tổ chức thành lập. Các ý kiến của thành viên Ban Kiểm soát khi tham gia đoàn này phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		chế này, đồng thời chịu trách nhiệm trước những ý kiến đánh giá, nhận định của mình trong quá trình tham gia đoàn kiểm tra. Khi nhận được kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, HĐQT phải xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý bằng văn bản, văn bản này được gửi thông báo cho Giám đốc Công ty hoặc các đối tượng được kiểm soát, liên quan để thực hiện. Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT. Các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên/cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức Đại hội mười lăm (15) ngày làm việc để thẩm định, HĐQT đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thẩm định các báo cáo này. Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo, kiến nghị của Ban		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của Ban Kiểm soát. Đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những quan điểm, ý kiến bảo lưu đó bằng văn bản để Ban Kiểm soát biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định. 12.5. Quan hệ với Giám đốc Công ty và/hoặc Người được ủy quyền Giám đốc và/hoặc Người được ủy quyền chỉ đạo các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm soát trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu tài liệu, thông tin, cung cấp các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát. Tạo điều kiện bố trí đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban Kiểm soát, cử nhân sự có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		soát khi được yêu cầu. Định kỳ hàng tháng, quý, Giám đốc Công ty gửi tới HĐQT báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch và kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban Kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát hoạt động, Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ, Giám đốc gửi báo cáo tới HĐQT, ĐHĐCĐ thì đồng thời gửi tới Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT, ĐHĐCĐ (nếu có). Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với HĐQT những quan điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban Kiểm soát. Có trách nhiệm thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này bằng văn bản.		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Thông báo kịp thời cho Ban Kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, tổn thất lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổ trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị. Giám đốc có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của Ban Kiểm soát, đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những quan điểm, ý kiến bảo lưu đó bằng văn bản để Ban Kiểm soát biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định. 12.6. Quan hệ với các đơn vị trực thuộc Trưởng các phòng/ban/đơn vị trực thuộc của Công ty phải cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong các báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của HĐQT, Giám đốc Công ty; Cung cấp thông tin phản		

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định. Có trách nhiệm cử nhân sự có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu của Ban Kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Kiểm soát chủ trì. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng lại kết quả từ các biên bản, kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát do các Ban chức năng, đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Công ty thực hiện, đồng thời có trách nhiệm bảo mật các số liệu, tài liệu theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng các phòng/ban/đơn vị trực thuộc của Công ty có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những đánh giá, kiến nghị của Ban Kiểm soát, đồng thời thực hiện các kiến nghị đó theo đúng chỉ đạo của HĐQT, Giám đốc và thông báo chi Ban Kiểm soát bằng văn bản để Ban Kiểm soát biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định.		
		Điều 13. Khen thưởng, kỷ luật	**Không có**	Quy chế mẫu không

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		13.1. Trưởng ban Kiểm soát, các Kiểm soát viên có thành tích trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước và Công ty. 13.2. Trưởng ban Kiểm soát, các Kiểm soát viên vi phạm các quy định của pháp luật trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dung chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm hại lợi ích hợp pháp của Công ty bị xử lý theo các quy địn của pháp luật tùy theo mức độ vi phạm.		quy định
		Phần III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	**Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**	
		Điều 14. Điều khoản thi hành 14.1. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ban hành ngày 25/3/2008, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được	**Điều 22. Hiệu lực thi hành** Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam bao gồm VII chương và 22 điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng ..... năm 2021	Theo Quy chế mẫu

STT	Chương, Điều, khoản	Nội dung Quy chế hiện hành Số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Trưởng ban Kiểm soát ký ban hành. 14.2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo tình hình thực tế hoạt động, Ban Kiểm soát có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp trên cơ sở tuân thủ theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. 14.3. Những nội dung chưa được đề cập trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.		